



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH HẢI DƯƠNG
MÙA KHÔ NĂM 2024 - 2025**

HÀ NỘI, THÁNG 11/2024

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: Số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 024 37560034;
Website: cewafo.gov.vn; Email: vttcdbttn@monre.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC.....	5
2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất.....	5
2.1.1. Mức nước	5
2.1.2. Chất lượng nước	9
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất.....	11
2.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	11
2.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	12
2.2.3. Tầng chứa nước Neogene (n).....	13
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất.....	14
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	14

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hải Dương được biên soạn 1 năm 2 lần vào mùa mưa và mùa khô nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Tỉnh Hải Dương là một tỉnh thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình có diện tích tự nhiên là 1.648 km². Đặc điểm khí hậu của tỉnh là mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tài nguyên nước dưới đất của tỉnh gồm 2 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước Holocen (qh) và tầng chứa nước Pleistocen (qp). Tổng tài nguyên nước dự báo cho tầng chứa nước qh là 179.474m³/ngày, tầng chứa nước qp là 527.046 m³/ngày.

Nội dung chính của bản tin mùa mưa bao gồm: Thông báo mực nước và chất lượng nước dưới đất mùa mưa năm 2024, dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024-2025 tại các tầng chứa nước chính, đưa ra những cảnh báo về tài nguyên nước như mực nước, chất lượng nước trong phạm vi 13 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: dttnnddat@monre.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn.

Trong mùa mưa năm 2024 mực nước dưới đất trung bình so với cùng kỳ năm trước có xu thế dâng tại lớp chứa nước qh₂,qh₁, tầng chứa nước n xu thế dâng hạ không đáng kể tại lớp chứa nước qp₂, và xu thế dâng hạ không rõ ràng tại lớp chứa nước qp₁.

Dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024 - 2025 so với mực nước thực đo mùa khô năm 2023 - 2024 có xu thế dâng tại lớp chứa nước qh₂, qh₁, qp₂, qp₁ và tầng chứa nước n.

Trong khu vực tỉnh Hải Dương thời điểm hiện tại không có công trình nào có độ sâu mực nước trung bình tháng lớn hơn 50% so với mực nước hạ thấp cho phép. Tuy nhiên có một số công trình có độ mặn, hàm lượng Mangan, Asen, Chì, Coliform và Amoni vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT/.

Chi tiết xem nội dung bản tin./.

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

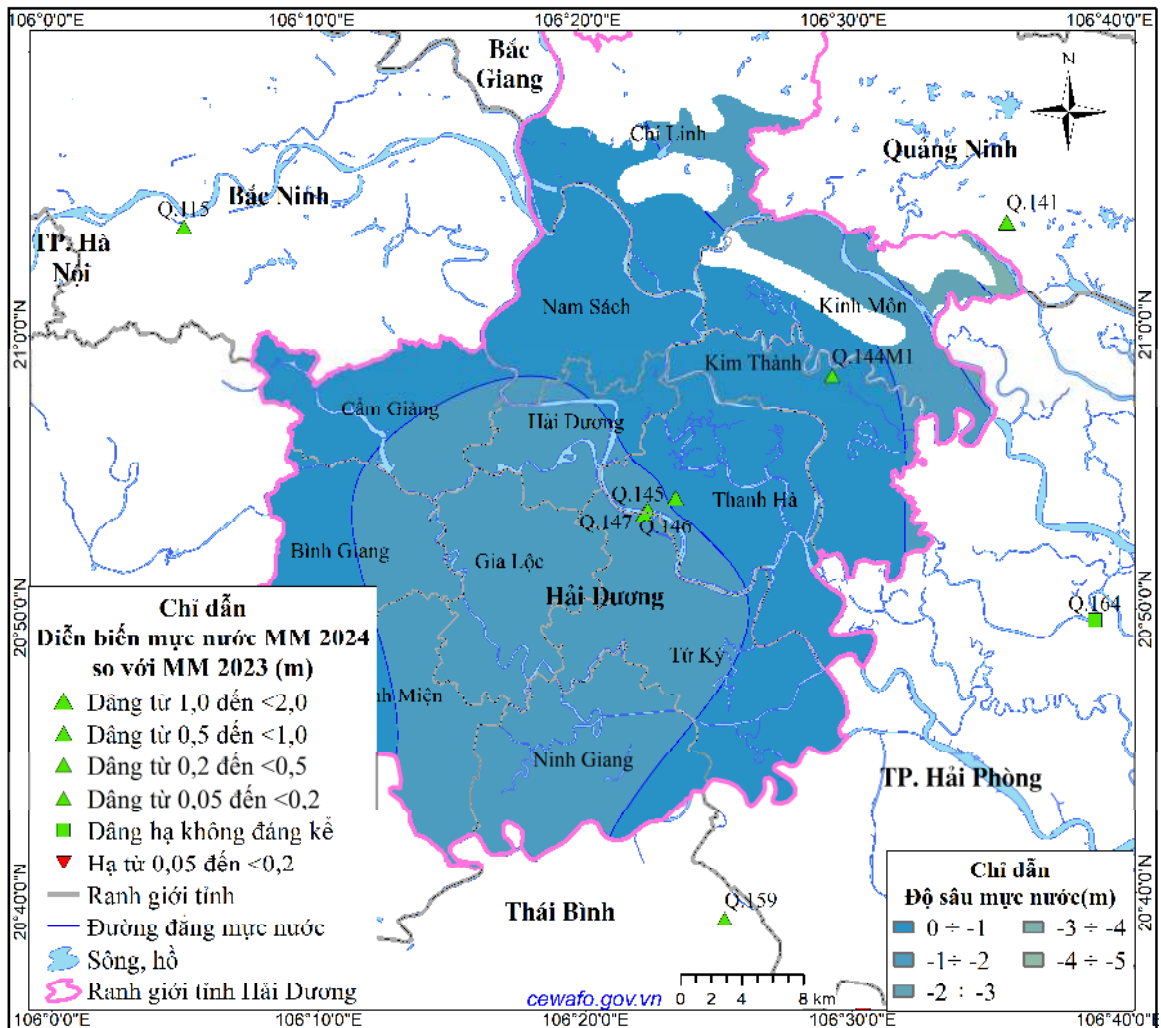
2.1.1. Mực nước

2.1.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước Holocene thượng (qh₂)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 dâng so với cùng kỳ năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 0,58m tại Xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ (Q.147).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -0,31m tại Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành (Q.144M1) và sâu nhất là -1,78m tại Xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ (Q.147).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa so với cùng kỳ năm trước

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa lớp qh₂ (m)

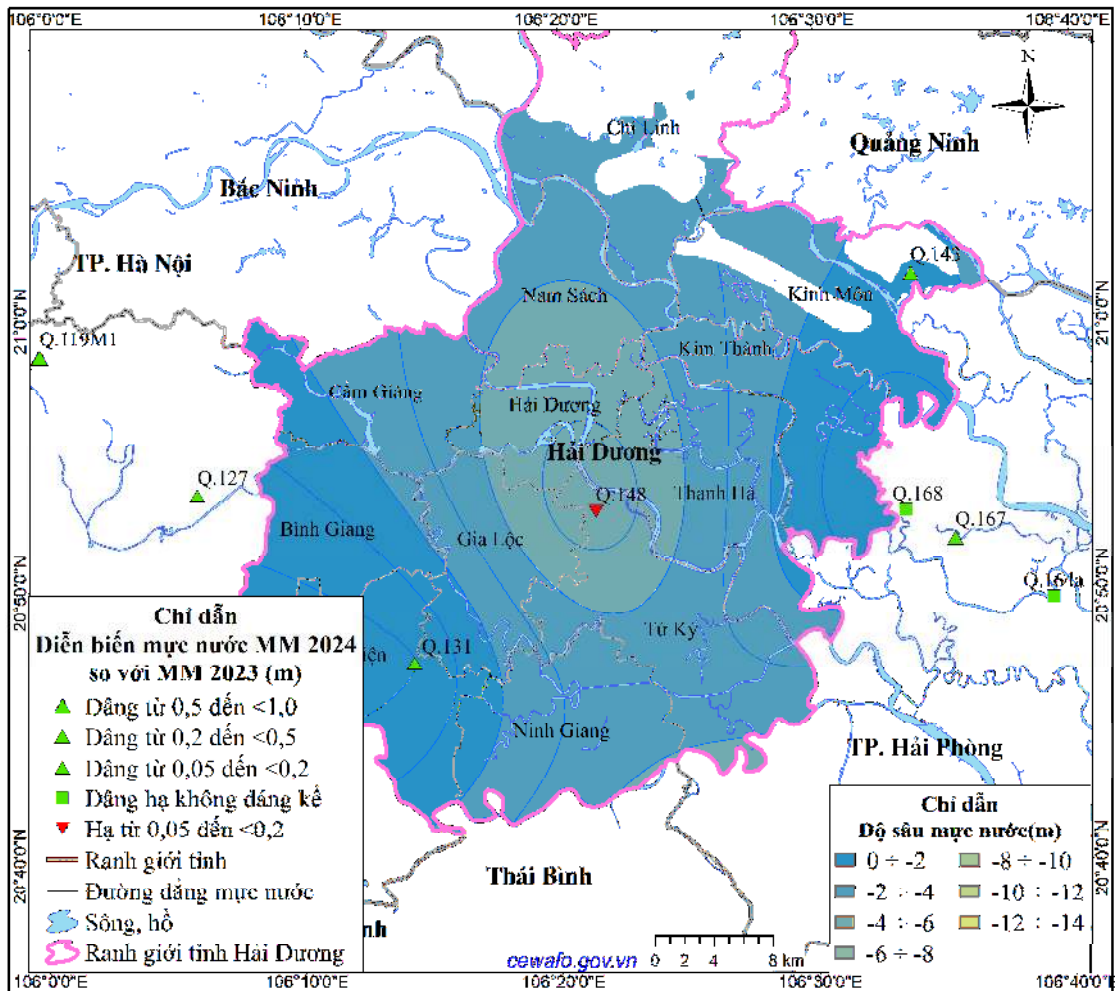
Thời gian	Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành (Q.144M1)	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (Q.145)	Xã Tiên Tiến, huyện Thanh Hà (Q.146)	Xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ (Q.147)
Tháng 5	-0,41	-0,89	-2,17	-1,91
Tháng 6	-0,31	-0,79	-2,00	-1,80
Tháng 7	-0,25	-0,73	-1,82	-1,59

Thời gian	Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành (Q.144M1)	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (Q.145)	Xã Tiên Tiến, huyện Thanh Hà (Q.146)	Xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ (Q.147)
Tháng 8	-0,24	-0,59	-1,68	-1,39
Tháng 9	-0,24	-0,54	-1,21	-0,63
Tháng 10	-0,43	-0,66	-1,77	-1,25

b. Lớp chứa nước Holocene hạ (qh₁)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 dâng so với cùng kỳ năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 0,33m tại TT. Phú Thứ, huyện Kinh Môn (Q.143) và giá trị hạ thấp nhất là 0,08m tại Xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (Q.148).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là 0,01m tại TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện (Q.131) và sâu nhất là -5,52m tại Xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (Q.148).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa so với cùng kỳ năm trước

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa lớp qh₁ (m)

Thời gian	TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện (Q.131)	Xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (Q.148)	TT. Phú Thù, huyện Kinh Môn (Q.143)
Tháng 5	-0,02	-5,74	-2,44
Tháng 6	-0,01	-5,66	-2,53
Tháng 7	-0,01	-5,53	-2,23
Tháng 8	0,00	-5,40	-1,62
Tháng 9	0,12	-5,49	-0,93
Tháng 10	-0,02	-5,28	-0,97

2.1.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

a. Lớp chứa nước Pleistocene thượng (qp₂)

Theo kết quả quan trắc tại TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện (Q.131a). Mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 dâng hạ không đáng kể so với cùng kỳ năm trước

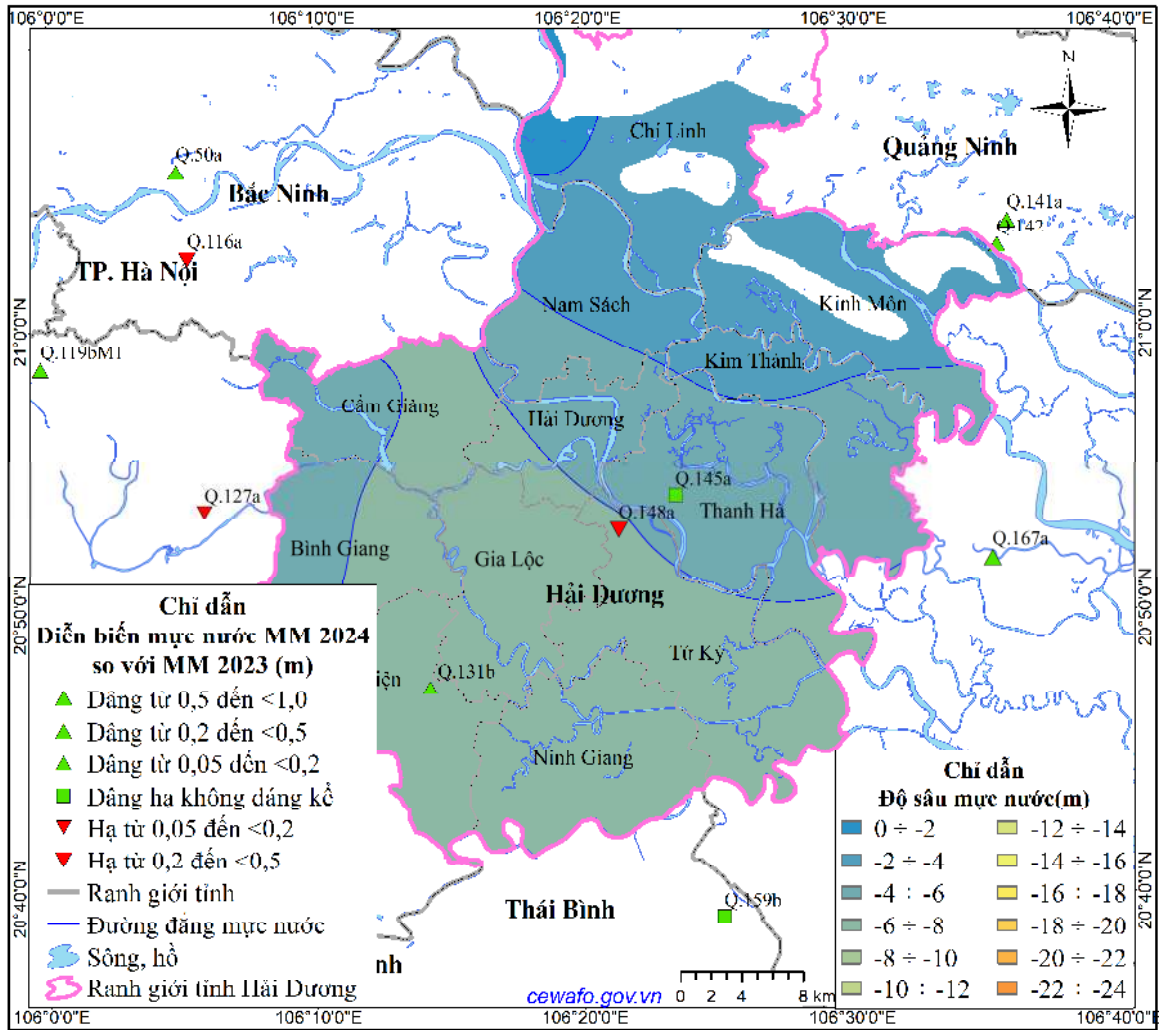
Bảng 3. Tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa lớp qp₂ (m)

Thời gian	TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện (Q.131a)
Tháng 5	-6,86
Tháng 6	-6,88
Tháng 7	-6,84
Tháng 8	-7,00
Tháng 9	-6,65
Tháng 10	-6,41

b. Lớp chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 dâng hạ không rõ ràng so với cùng kỳ năm trước. Giá trị hạ thấp nhất là 0,21m tại Xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (Q.148a) và giá trị dâng cao nhất là 0,19m tại TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện (Q.131b).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -4,91m tại Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (Q.145a) và sâu nhất là -6,76m tại TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện (Q.131b).



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa so với cùng kỳ năm trước

Bảng 4. Tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa lớp qp₁ (m)

Thời gian	TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện (Q.131b)	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (Q.145a)	Xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (Q.148a)
Tháng 5	-6,89	-5,17	-6,44
Tháng 6	-6,89	-5,07	-6,32
Tháng 7	-6,76	-4,96	-6,37
Tháng 8	-6,94	-4,88	-6,35
Tháng 9	-6,58	-4,76	-6,19
Tháng 10	-6,49	-4,63	-6,17

2.1.1.3. Tầng chứa nước Neogene (n)

Trong phạm vi tỉnh chỉ có 1 công trình quan trắc tại xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng (Q.149). Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.149. Mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 dâng 0,32m so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 5. Tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa tầng n (m)

Thời gian	Xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng (Q.149)
Tháng 5	-5,31
Tháng 6	-5,37
Tháng 7	-5,27
Tháng 8	-5,11
Tháng 9	-4,88
Tháng 10	-5,03

2.1.2. Chất lượng nước

2.1.2.1. Tầng chứa nước Holocene (qh)

a. Lớp chứa nước Holocene thượng (qh₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 2/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.145 (xã Thanh Hà, huyện Thanh Hà).

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu vượt GTGH là Mangan (2/2 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.146 (xã Tiền Tiến, huyện Thanh Hà) và Asen (1/2 công trình) vượt tại công trình Q.146 (xã Tiền Tiến, huyện Thanh Hà).

- Chỉ tiêu Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích có 3/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.144M1 (xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành).

Bảng 6. Tổng hợp kết quả phân tích CLN lớp qh₂

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH ₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
Q.144M1	1920	0,76	0,007	0,000	0,003	16,35
Q.145	5296	-	-	-	-	-
Q.146	627	1,12	0,296	0,000	0,002	16,01
Q.147	1168	-	-	-	-	6,64

Các chỉ tiêu đánh giá theo Dự án Môi trường nước dưới đất: Theo kết quả phân tích quý II năm 2024 theo 1/2 công trình có hàm lượng Coliform vượt GTGH tại công trình Q.144M1 (xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành).

b. Lớp chứa nước Holocene hạ (qh₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.148 (xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ).

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu vượt GTGH là Mangan (1/2 công trình) vượt tại công trình Q.131 (TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện), Asen (1/2 công trình) vượt tại công trình Q.143 (TT. Phú Thù, huyện Kinh Môn) và Chì (2/2 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.143 (TT. Phú Thù, huyện Kinh Môn)

- Chỉ tiêu Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích có 1/2 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.143 (TT. Phú Thù, huyện Kinh Môn).

Bảng 7. Tổng hợp kết quả phân tích CLN lớp qh₁

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH ₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
Q.131	1632	1,44	0,008	0,000	0,033	0,58
Q.143	315	0,24	0,069	0,000	0,082	1,41
Q.148	10738	-	-	-	-	-

Các chỉ tiêu đánh giá theo Dự án Môi trường nước dưới đất: Theo kết quả phân tích quý II năm 2024 theo 1/2 công trình có hàm lượng Coliform vượt GTGH tại công trình Q.131 (TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện, Hải Dương).

2.1.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

a. Lớp chứa nước Pleistocene thượng (qp₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình Q.131a (TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt theo QCVN 09:2023/BTNMT.

b. Lớp chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.145a (xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà).

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu vượt GTGH là Mangan (1/2 công trình) vượt tại công trình Q.148a (xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ).

- Chỉ tiêu Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 1/2 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.148a (xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ).

Bảng 8. Tổng hợp kết quả phân tích CLN lớp qp₁

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH ₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
Q.131b	702	1,37	0,007	0,000	0,002	0,61
Q.145a	3276	-	-	-	-	-
Q.148a	2791	3,41	0,004	0,000	0,000	2,63

2.1.2.3. Tầng chứa nước Neogene (n)

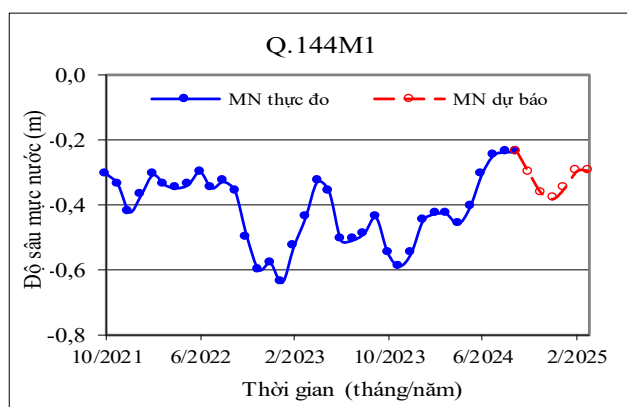
Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình Q.149 (xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt. Theo QCVN09:2023/BTNMT không có chỉ tiêu nào vượt CTGH.

2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

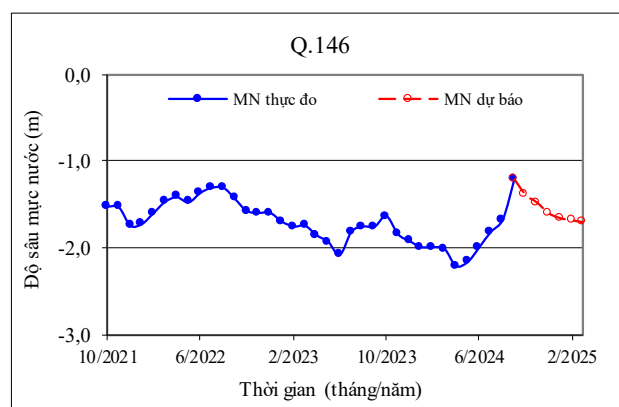
2.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước Holocene thượng (qh₂)

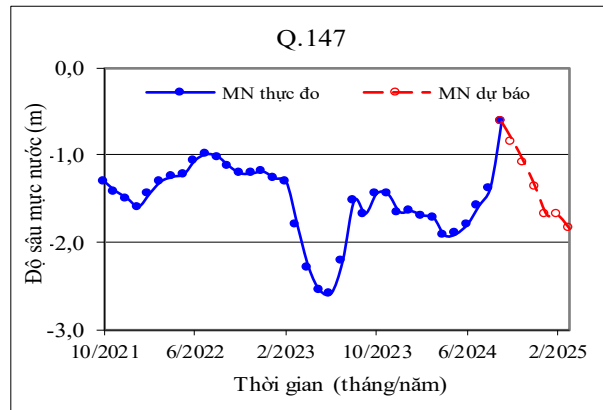
Mực nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau.



a. xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành (Q.144M1)



b. xã Tiên Tiến, huyện Thanh Hà (Q.146)

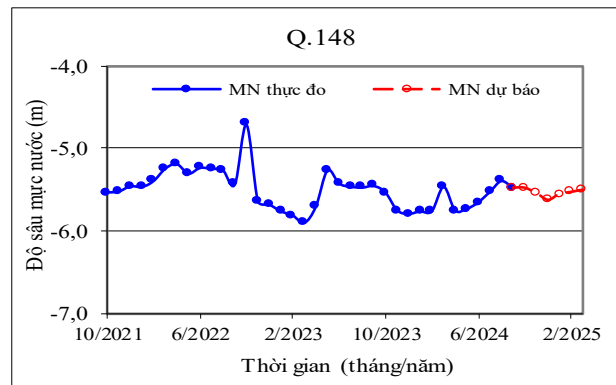


c. xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ (Q.147)

Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh₂

b. Lớp chứa nước Holocene hạ (qh₁)

Mực nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.148 như sau.

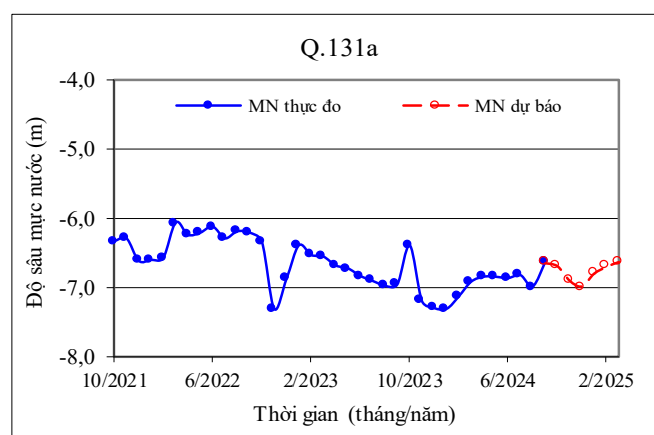


Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh₁

2.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

a. Lớp chứa nước Pleistocene thượng (qp₂)

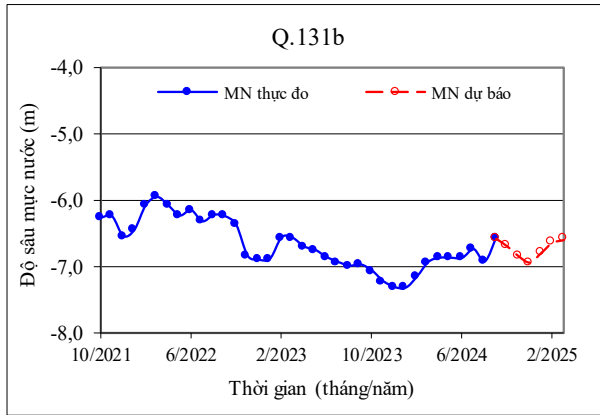
Mực nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q.131a như sau:



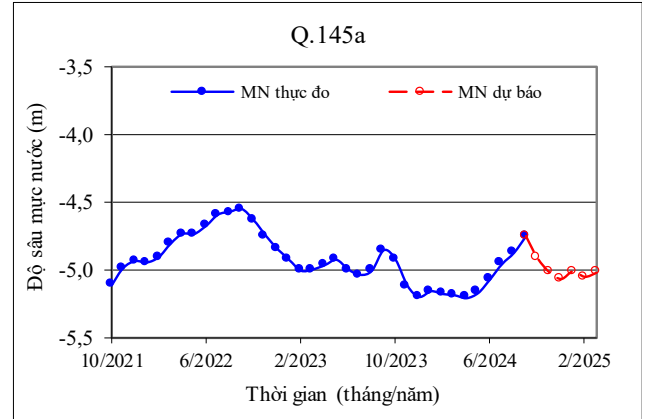
Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp₂

b. Lớp chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

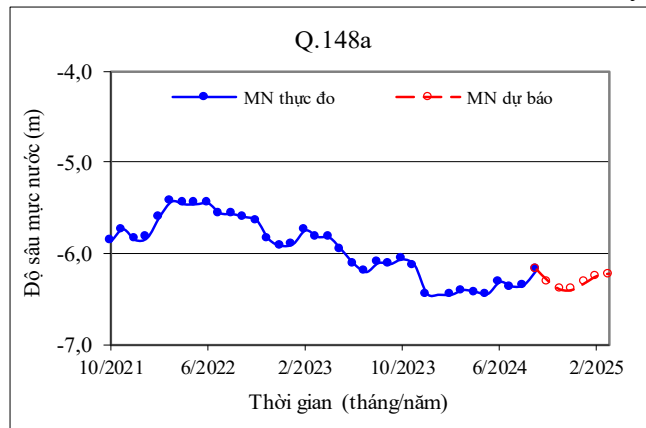
Mực nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a.TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện (Q.131b)



b.Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (Q.145a)

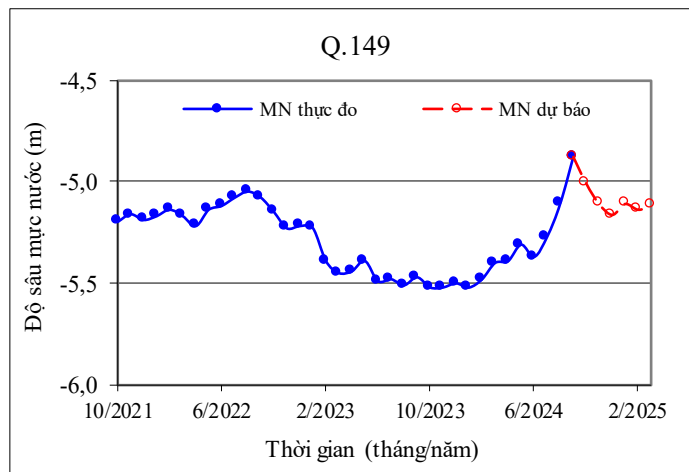


c. xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (Q.148a)

Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp₁

2.2.3. Tầng chứa nước Neogene (n)

Mực nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q.149 như sau.



Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tầng Neogene

Bảng 9. Bảng tổng hợp mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)			Tháng xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I. Tầng chứa nước Holocene (qh)						
I.1 Lớp chứa nước Holocene thượng (qh₂)						
1	Q.144M1	xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành	-0,30	-0,38	-0,33	12/2024
2	Q.146	xã Tiên Tiến, huyện Thanh Hà	-1,39	-1,71	-1,59	03/2025
3	Q.147	xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ	-0,85	-1,84	-1,42	03/2025
I.2 Lớp chứa nước Holocene hạ (qh₁)						
1	Q.148	xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ	-5,49	-5,63	-5,55	12/2024
II. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)						
II.1 Lớp chứa nước Pleistocene thượng (qp₂)						
1	Q.131a	TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện	-6,63	-7,01	-6,80	12/2024
II.2 Lớp chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)						
1	Q.131b	TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện	-6,60	-6,96	-6,77	12/2024
2	Q.145a	xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà	-4,92	-5,07	-5,02	12/2024
3	Q.148a	xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ	-6,23	-6,40	-6,32	12/2024
III. Tầng chứa nước Neogen (n)						
1	Q.149	xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng	-5,01	-5,16	-5,11	12/2024

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong tỉnh Hải Dương thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trong khu vực tỉnh Hải Dương chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong tỉnh và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Nhìn chung mực nước và chất lượng nước trong các tầng chứa nước thuộc tỉnh Hải Dương đều tốt. Tuy nhiên có một số công trình có hàm lượng độ mặn, Mangan, Asen, Chì, Coliform và Amoni vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT, đề nghị các cơ quan đưa ra cảnh báo cho người dân và tiếp tục theo dõi thêm.

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)**

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO ₃ - tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO ₂ - tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F ⁻)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO ₄ ²⁻)	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN ⁻)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)	mg/l	0,0001
	24	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C ₁₄ H ₉ Cl ₅)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C ₁₀ H ₅ Cl ₇ & C ₁₀ H ₅ Cl ₇ O)	mg/l	0,001
	28	Diazinon (C ₁₂ H ₂₁ N ₂ O ₃ PS)	mg/l	0,02
	29	Parathion (C ₁₀ H ₁₄ NO ₅ PS)	mg/l	0,06
	30	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện